

Bản án số: **09/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 14/6/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Ngô Gia Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1987; ĐKHKT: xóm 9, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Tạm trú: khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982; ĐKHKT: xóm 9, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Tạm trú: khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị X trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng: Chị và anh Nguyễn Hồng P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khối 8, thị trấn B. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 5/2018.

Theo chị X thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục nên chị và anh P đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11/01/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu sẽ được tiếp tục nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Trường hợp anh P muốn nuôi con thì chị đồng ý để mỗi người nuôi 01 con chung và hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Hồng P trong biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019 trình bày: anh và chị X đăng ký kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký ở đâu anh không nhớ rõ. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị X làm thủ tục ly hôn với anh nhưng anh chưa có thời gian đề lên Tòa án làm thủ tục, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và giao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cùng các văn bản tố tụng tiếp theo nhưng anh P không có mặt tại Tòa án để tham gia các giai đoạn tố tụng tiếp theo.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11/01/2013. Khi ly hôn, vợ chồng anh không tự thỏa thuận với nhau được về con cái nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010 thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu có nguyện vọng được ở với anh P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn, và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Hồng P; giao anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010; giao chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11/01/2013; hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau; chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Hồng P, cư trú tại khối 8, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh

Nguyễn Hồng P đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Hồng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị X cho rằng vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Mâu thuẫn không được khắc phục nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, trong suốt quá trình sống ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau. Về phía anh P cũng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị X và anh P tại UBND thị trấn B là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận chị X và anh P có xảy ra mâu thuẫn anh P thường đi làm ăn xa đi đi về về nên việc ly thân không thể xác định, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được vì chính quyền địa phương chưa phải hòa giải do hai bên không đề nghị và không có báo cáo của cơ sở.

Như vậy, chị X và anh P đều khẳng định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cả hai bên đều xác định do tính tình không hợp nhau. Thực tế anh P biết việc chị X yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng không tìm cách hàn gắn, hòa giải với chị X có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị X, anh P hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị X giải quyết ly hôn anh P là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Hồng P đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 11/01/2013. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi con. Trường hợp anh P muốn nuôi con thì chị nhất trí để mỗi người nuôi 01 con, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Về phía anh P, anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật vì vợ chồng anh không tự thỏa thuận được.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010 thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu có nguyện vọng được ở với anh P.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của các con chung và đảm bảo quyền lợi của anh P cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu K thì đề xuất giao mỗi người nuôi 01 con chung và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị X là phù hợp cần chấp nhận

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị X và anh Nguyễn Hồng P đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Xuân phải nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị X và anh Nguyễn Hồng P.

2/ Về quan hệ con chung: Giao anh Nguyễn Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 21/11/2010. Giao chị Trần Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Nguyễn Khánh A, sinh năm 11/01/2013. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị X phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2976 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh

(Đã ký)